



BẢNG BÁO GIÁ VĂN PHÒNG PHẨM
(BẢNG GIÁ NÀY CÓ GIÁ TRỊ TỪ 01/01/2012)

Kính gửi : Quý Khách Hàng

Công ty TNHH TM-DV Phương Tâm Sơn trân trọng gửi đến quý Công ty giá các loại văn phòng phẩm như sau:

STT	Tên Hàng Hóa	ĐVT	Đơn giá (chưa VAT)	VAT 10%	Đơn giá VAT
I. Giấy CÁC LOẠI					
Nhận Photocopy số lượng lớn giá tốt					
1	Giấy A0-80	tờ	2,727	273	3,000
2	Giấy Excel A3 70	ream	95,455	9,545	105,000
3	Giấy Excel A3 80	ream	113,636	11,364	125,000
4	Giấy Excel A4 70	ream	45,455	4,545	50,000
5	Giấy Excel A4 80	ream	54,545	5,455	60,000
6	Giấy Exvel A5 70	ream	25,455	2,545	28,000
7	Giấy Excel A5 80	ream	29,091	2,909	32,000
8	Giấy Bãi Bằng A4 70	ream	40,000	4,000	44,000
9	Giấy Supreme A4 70 (Thái)	ream	59,091	5,909	65,000
10	Giấy Double A A4 80 (Thái)	ream	76,364	7,636	84,000
11	Giấy Parer one A4 70 (Indo)	ream	62,727	6,273	69,000
12	Giấy bìa màu A3 bìa ngoại	xấp	113,636	11,364	125,000
13	Giấy bìa màu A4 bìa Thái	xấp	41,818	4,182	46,000
14	Giấy F0 màu định lượng 82	ream	72,727	7,273	80,000
15	Giấy bìa thơm A4	xấp	68,182	6,818	75,000
16	Giấy decal A4 đế xanh	xấp	75,000	7,500	82,500
17	Giấy decal A4 đế vàng	xấp	81,818	8,182	90,000
18	Giấy decal A4 da bò (mặt giấy nhám)	xấp	95,455	9,545	105,000
19	Giấy ticker mũi tên	xấp	5,455	545	6,000
20	Giấy tommy (nhiều số)	xấp	7,727	773	8,500
21	Giấy than 2 mặt TQ	hộp	25,455	2,545	28,000
22	Giấy than Thái (Bàn Tay)	hộp	68,182	6,818	75,000
23	Giấy than Thái (Horse)	hộp	68,182	6,818	75,000
24	Giấy than Thái Kokusai	hộp	52,727	5,273	58,000
25	Giấy Fax DAKOTA (nhỏ) 210-216	cuộn	14,545	1,455	16,000
26	Giấy liên tục 210x279, 1L	thùng	177,273	17,727	195,000
27	Giấy liên tục 210x279, 2L--3L--4L	thùng	331,818	33,182	365,000
28	Giấy liên tục 240x279, 1L	thùng	204,545	20,455	225,000
29	Giấy liên tục 240x279, 2L--3L	thùng	350,000	35,000	385,000
30	Giấy liên tục 380x279, 1L (A3)	thùng	268,182	26,818	295,000
31	Giấy liên tục 380x279, 2L-3L (A3)	thùng	450,000	45,000	495,000
32	Giấy Note 3 màu UNC	xấp	7,727	773	8,500

33	Giấy Note 4 màu UNC	xấp	9,091	909	10,000
34	Giấy Note 4 màu 3M	xấp	13,182	1,318	14,500
35	Giấy note 1.5x2	gói	12,273	1,227	13,500
36	Giấy note 2x3	xấp	3,636	364	4,000
37	Giấy note 3x3	xấp	5,455	545	6,000
38	Giấy note 3x4	xấp	7,727	773	8,500
39	Giấy note 3x5	xấp	8,636	864	9,500
40	Giấy in ảnh 1 mặt bóng	xấp	50,000	5,000	55,000
41	Giấy in ảnh 2 mặt bóng	xấp	68,182	6,818	75,000
42	Giấy in màu gân	xấp	68,182	6,818	75,000
43	Note sign here	xấp	31,818	3,182	35,000
44	Miếng phân trang 3M 6 màu	vĩ/1 màu	25,455	2,545	28,000
45	Miếng phân trang 3M 5màu	xấp/5màu	10,909	1,091	12,000
46	Miếng phân trang Pronoti (xấp 5 màu)	xấp	17,727	1,773	19,500
47	II. ACCCORD-BẮM LỖ				
48	Accord nhựa	hộp	14,545	1,455	16,000
49	Accord sắt SDI	hộp	20,455	2,045	22,500
50	BẮM 2 lỗ Eagle 837 chính hãng (18tờ)	cái	40,909	4,091	45,000
51	BẮM 2 lỗ Eagle 837 (18tờ)		36,818	3,682	40,500
52	BẮM 2 lỗ Thiên Long PU01 (mini) (8tờ)	cái	32,727	3,273	36,000
53	BẮM 2 lỗ KW 978 (30 tờ)	cái	86,364	8,636	95,000
54	BẮM 2 lỗ Eagle 701 chính hãng (30tờ)	cái	86,364	8,636	95,000
55	BẮM lỗ KW 9670 (70 tờ)	cái	254,545	25,455	280,000
56	III. BẮM KIM				
57	BẮM kim 10 KW	cái	14,545	1,455	16,000
58	BẮM kim 10 Plus	cái	22,273	2,227	24,500
59	BẮM kim số 10 SDI	cái	16,818	1,682	18,500
60	BẮM kim KW 50SA (23/13)	cái	231,818	23,182	255,000
61	BẮM kim KW 50LA (23/23)	cái	268,182	26,818	295,000
62	BẮM kim số 3 SDI	cái	61,818	6,182	68,000
63	BẮM kim số 3 Eagle 206A	cái	34,545	3,455	38,000
64	IV. KIM BẮM-GỠ KIM				
65	Kim BẮM số 10 Plus	hộp	3,182	318	3,500
66	Kim BẮM số 10 SDI	hộp	2,727	273	3,000
67	Kim BẮM số 3 SDI	hộp	5,455	545	6,000
68	kim Kwtrio 23/8	hộp	12,727	1,273	14,000
69	kim Kwtrio 23/10	hộp	14,091	1,409	15,500
70	kim Kwtrio 23/13	hộp	15,909	1,591	17,500
71	kim Kwtrio 23/15	hộp	17,727	1,773	19,500
72	kim Kwtrio 23/17	hộp	18,636	1,864	20,500
73	kim Kwtrio 23/20	hộp	21,364	2,136	23,500
74	kim Kwtrio 23/23	hộp	24,091	2,409	26,500
75	Gỡ kim eagle 1029 chính hãng	cái	8,182	818	9,000
76	Gỡ kim eagle		5,909	591	6,500
77	Kim gỡ kim eagle 1039A chính hãng	cái	25,455	2,545	28,000
78	Kim gỡ kim eagle 1039L chính hãng cỡ lớn	cái	4,455	445	4,900
79	V. BÌA CÁC LOẠI				
80	Bìa lá A4	cái	2,000	200	2,200
81	Bìa lá F4	cái	2,545	255	2,800
82	Bìa nút A4	cái	3,182	318	3,500

83	Bìa nút F4	cái	3,182	318	3,500
84	Bìa hoà sô quần dây Arsi 119	cái	5,000	500	5,500
85	Bìa cây	cây	4,091	409	4,500
86	Bìa accord Giấy	cái	4,091	409	4,500
87	Bìa accord nhựa	cái	4,545	455	5,000
88	Bìa lỗ	xấp	35,000	3,500	38,500
89	Bìa trình ký đơn nhựa TQ	cái	23,636	2,364	26,000
90	Bìa trình ký F4 đơn simili	cái	15,000	1,500	16,500
91	Bìa trình ký A4 đơn simili	cái	11,364	1,136	12,500
92	Bìa trình ký A4 (đôi) TM simili	cái	15,000	1,500	16,500
93	Bìa 1 kẹp nhựa trong A	cái	15,000	1,500	16,500
94	Bìa 2 kẹp nhựa trong A	cái	25,909	2,591	28,500
95	Bìa 2 kẹp nhựa màu A	cái	24,091	2,409	26,500
96	Bìa 10 lá nhựa màu trong	cái	14,091	1,409	15,500
97	Bìa 20 lá nhựa màu trong	cái	17,273	1,727	19,000
98	Bìa 30 lá nhựa màu trong	cái	19,545	1,955	21,500
99	Bìa 40 lá nhựa màu trong	cái	22,273	2,227	24,500
100	Bìa 60 lá nhựa màu trong	cái	29,545	2,955	32,500
101	Bìa 80 lá nhựa màu trong	cái	35,909	3,591	39,500
102	Bìa 100 lá nhựa màu trong	cái	44,545	4,455	49,000
103	Bìa 20 lá nhựa màu đục	cái	16,818	1,682	18,500
104	Bìa 30 lá nhựa màu đục	cái	20,000	2,000	22,000
105	Bìa 40 lá nhựa màu đục	cái	22,273	2,227	24,500
106	Bìa 60 lá nhựa màu đục	cái	29,545	2,955	32,500
107	Bìa 80 lá nhựa màu đục	cái	33,636	3,364	37,000
108	Bìa 100 lá nhựa màu đục	cái	41,818	4,182	46,000
109	Bìa 20 lá da	cái	22,273	2,227	24,500
110	Bìa 30 lá da	cái	25,000	2,500	27,500
111	Bìa 40 lá da	cái	27,727	2,773	30,500
112	Bìa 50 lá da	cái	31,364	3,136	34,500
113	Bìa 60 lá da	cái	34,091	3,409	37,500
114	Bìa 80 lá da	cái	42,273	4,227	46,500
115	Bìa 100 lá da	cái	45,000	4,500	49,500
116	Bìa công EG 5F,7F	cái	24,091	2,409	26,500
117	Bìa công Kokuyo 7F (Bìa ngoài)	cái	38,636	3,864	42,500
118	Bìa công cua nhựa 2.5F	cái	15,000	1,500	16,500
119	Bìa công cua nhựa 3.5F	cái	15,909	1,591	17,500
120	Bìa công cua si 3.5F A	cái	18,636	1,864	20,500
121	Bìa hộp vuông 5F si	cái	18,636	1,864	20,500
122	Bìa hộp vuông 7F si	cái	20,455	2,045	22,500
123	Bìa hộp vuông 10F si	cái	25,909	2,591	28,500
124	Bìa hộp vuông 15F si	cái	29,545	2,955	32,500
125	Bìa hộp vuông 20 F si	cái	34,545	3,455	38,000
126	Bìa phân trang nhựa 10 số	xấp	7,727	773	8,500
127	Bìa phân trang nhựa 12 số	xấp	10,455	1,045	11,500
128	Bìa phân trang nhựa 31 số	xấp	31,364	3,136	34,500
129	Bìa phân trang 24 chữ	xấp	33,182	3,318	36,500
130	Bìa phân trang Giấy 10 số	xấp	10,455	1,045	11,500
131	Bìa phân trang Giấy 12 số	xấp	11,364	1,136	12,500
132	Bìa thun 12 ngăn F đục móc thun	cái	33,182	3,318	36,500

133	Bìa thun 12 ngăn A trong móc thun	cái	34,545	3,455	38,000
134	Bìa treo UNC	cái	10,455	1,045	11,500
135	Bìa xéo si (hộp chéo)	cái	16,364	1,636	18,000
136	Bìa Giấy cột 3 dây 10F (đẹp)		7,727	773	8,500
137	Bìa Giấy cột 3 dây 10F (thường)	cái	6,818	682	7,500
138	Bìa kiếng A4 1.2	xấp	59,091	5,909	65,000
139	Bìa kiếng A4 1.5	xấp	68,182	6,818	75,000
140	Bìa kiếng A3 1.5	xấp	150,000	15,000	165,000
141	Bìa nhựa Ép Plastic A3 DL80	xấp	295,455	29,545	325,000
142	Bìa nhựa Ép Plastic A4 DL80	xấp	170,455	17,045	187,500
143	Bìa nhựa Ép Plastic A5 DL80	xấp	104,545	10,455	115,000
144	VI. VIẾT -THƯỚC-HỒ DÁN-GÔM-XÓA-KÉO				
145	Bút bi Thiên Long 08	cây	1,818	182	2,000
146	Bút bi Thiên Long 027	cây	2,273	227	2,500
147	Bút bi Thiên Long 025	cây	2,727	273	3,000
148	Bút bi Thiên Long 031	cây	5,909	591	6,500
149	Bút BK BP14	cây	2,273	227	2,500
150	Bút BN BT5	cây	2,273	227	2,500
151	Bút Gel - 09 Master Ship	cây	6,364	636	7,000
152	Bút Zebra F301	cây	21,818	2,182	24,000
153	Bút lông kim chữ A	cây	3,636	364	4,000
154	Chì Bấm Pentel Sharplet.5 A125T	cây	12,727	1,273	14,000
155	Bút chì Bấm Pentel Fiesta	cây	10,455	1,045	11,500
156	Bút dạ quang TL HL03	cây	5,909	591	6,500
157	Bút dạ quang Toyo Trong SP28	cây	5,455	545	6,000
158	Bút lông băng-WB03 TL	cây	5,455	545	6,000
159	Bút lông dầu-PM04-Ceedee TL	cây	7,273	727	8,000
160	Bút lông dầu-PM09TL	cây	7,273	727	8,000
161	Bút lông kim FL04-Beebee	cây	4,091	409	4,500
162	Bút lông kim Zebra	cây	4,091	409	4,500
163	Bút uniball 150	cây	12,273	1,227	13,500
164	Đế cắm Bút SP-01	Bộ	12,727	1,273	14,000
165	ruột Viết Paker	cái	6,818	682	7,500
166	Thước dẻo 30cm	cây	4,091	409	4,500
167	Thước mica 30cm	cây	4,091	409	4,500
168	Thước mica 60cm	cây	14,545	1,455	16,000
169	Keo khô Glutlick G-03TL	thỏi	5,909	591	6,500
170	Hồ dán 30ml G-01	lọ	2,727	273	3,000
171	Gôm Pentel 05	viên	3,636	364	4,000
172	Bút xóa TL CP02	cây	18,182	1,818	20,000
173	Bút xóa TL CP54	cây	12,727	1,273	14,000
174	Xóa pentel đẹp	cây	18,182	1,818	20,000
175	Xóa UNC	cây	7,727	773	8,500
176	Bút Xóa kéo Plus 105T	cây	16,818	1,682	18,500
177	Bút Xóa Giấy Plus mini	cây	13,182	1,318	14,500
178	Ruột Xóa Plus 105TR	cái	14,091	1,409	15,500
179	Chì gỗ 2B TLGP04	cây	2,500	250	4,000
180	Chuột Bút chì Mapad	cái	2,727	273	3,000
181	Chuột Bút chì SDI TQ	cái	3,636	364	4,000
182	Ruột chì monami 0.7, 0.5	vĩ/2 tệp	14,545	1,455	16,000

183	ruột chì vàng 0.5	tép	3,182	318	3,500
184	Mực lông dầu Penta	hộp	5,455	545	6,000
185	Mực lông băng BN	hộp	16,364	1,636	18,000
186	Kệ xéo ráp 3 ngăn nhựa (xanh lá + đỏ+xanh dương)	cái	29,091	2,909	32,000
187	Kệ Mica 3 tầng đứng	cái	168,182	16,818	185,000
188	Kệ Mica 2 tầng trượt	cái	131,818	13,182	145,000
189	Kệ Mica 3 tầng trượt		159,091	15,909	175,000
190	Kệ nhựa 3 tầng trượt	cái	68,182	6,818	75,000
191	Kệ Viết tròn xoay 3005	cái	36,364	3,636	40,000
192	Kệ viết chữ nhật nhỏ 192 không xoay	cái	31,818	3,182	35,000
193	Kệ viết 3 ngăn 170 không xoay	cái	36,364	3,636	40,000
194	Kệ xéo nhựa 1 ngăn	cái	12,727	1,273	14,000
195	VII. DAO-KÉO-CẮT KEO				
196	Dao SDI lớn 0423	cây	20,000	2,000	22,000
197	Dao SDI nhỏ 0404	cây	13,182	1,318	14,500
198	Kéo đòi môi S120	cây	6,818	682	7,500
199	Kéo đòi môi S109, 009, HH	cây	20,455	2,045	22,500
200	Kéo S183, S180	cái	15,000	1,500	16,500
201	Cắt keo sunny vp 2001(nhỏ)	cái	13,182	1,318	14,500
202	Cắt keo sunny vp 2003	cái	17,727	1,773	19,500
203	Cắt keo cầm tay sắt 5F	cái	14,545	1,455	16,000
204	Cắt keo cầm tay sắt 7F	cái	22,727	2,273	25,000
205	Lưỡi dao SDI lớn	tép	18,636	1,864	20,500
206	Lưỡi dao SDI nhỏ	tép	13,182	1,318	14,500
207	Cắt keo để bàn 2.4F	cái	40,909	4,091	45,000
208	VIII. BĂNG KEO CÁC LOẠI				
209	Băng keo trong, đục 5F 80Ya	cuộn	10,909	1,091	12,000
210	Băng keo trong, đục 5F 100Ya	cuộn	15,000	1,500	16,500
211	Băng keo trong 2.4F	cuộn	6,818	682	7,500
212	Băng keo trong 3.6F	cuộn	8,636	864	9,500
213	Băng keo văn phòng (1.2F, 1.8F)	cuộn	2,273	227	2,500
214	Băng keo 2 mặt 18 Ya 0.5F	cuộn	1,818	182	2,000
215	Băng keo 2 mặt 18 Ya 1.2F	cuộn	2,727	273	3,000
216	Băng keo 2 mặt 18Ya 2.4F	cuộn	5,909	591	6,500
217	Băng keo 2 mặt 18Ya3.6F	cuộn	6,818	682	7,500
218	Băng keo 2 mặt 18Ya 4.8F	cuộn	11,364	1,136	12,500
219	Băng keo Giấy 25 Ya 1.2F	cuộn	2,727	273	3,000
220	Băng keo Giấy 20Ya 2.4F	cuộn	5,909	591	6,500
221	Băng keo Giấy 20Ya 3.6F	cuộn	6,818	682	7,500
222	Băng keo Giấy 20Ya 4.8F	cuộn	11,364	1,136	12,500
223	Băng keo simily 14Ya 2.4F	cuộn	6,818	682	7,500
224	Băng keo simily 14Ya 3.6F	cuộn	9,545	955	10,500
225	Băng keo simily 14Ya 4.8F	cuộn	14,091	1,409	15,500
226	Băng keo mousse 9Ya 2.4F	cuộn	12,727	1,273	14,000
227	IX. kẹp Bướm-kẹp Giấy - Gáy lò xo				
228	kẹp Giấy C62 đầu nhọn	hộp	2,727	273	3,000
229	kẹp Giấy C82 lớn	hộp	3,636	364	4,000
230	kẹp màu	bịch	2,273	227	2,500
231	kẹp bướm Echo 105(15mm)	hộp	3,636	364	4,000
232	kẹp bướm Echo 107(19mm)	hộp	4,545	455	5,000

233	kep bướm Echo 111(25mm)	hộp	7,273	727	8,000
234	kep bướm Echo 155(32mm)	hộp	10,455	1,045	11,500
235	kep bướm Echo 200(41mm)	hộp	15,000	1,500	16,500
236	kep bướm Echo 260(51mm)	hộp	20,000	2,000	22,000
237	Gáy lò xo 6mm	hộp/200	113,636	11,364	125,000
238	Gáy lò xo 8mm	hộp/200	159,091	15,909	175,000
239	Gáy lò xo 10mm	hộp/100	131,818	13,182	145,000
240	Gáy lò xo 12mm	hộp/100	159,091	15,909	175,000
241	Gáy lò xo 14mm	hộp/100	177,273	17,727	195,000
242	X. SỔ DA-SỔ CARD-Tập				
243	Sổ nhật ký dt A5	quyển	40,909	4,091	45,000
244	Sổ da CK3	quyển	15,000	1,500	16,500
245	Sổ da CK6	quyển	16,818	1,682	18,500
246	Sổ da A5 CK7	quyển	17,727	1,773	19,500
247	Sổ da A5 CK8	quyển	26,818	2,682	29,500
248	Sổ da A4 CK10	quyển	31,364	3,136	34,500
249	Sổ caro A5 dày	quyển	22,273	2,227	24,500
250	Sổ caro 21x33 dày	quyển	31,364	3,136	34,500
251	Sổ caro 23x33 dày	quyển	33,182	3,318	36,500
252	Sổ caro 25x33 dày	quyển	35,000	3,500	38,500
253	Sổ caro 30x40 dày	quyển	50,000	5,000	55,000
254	Sổ lò xo A5	quyển	17,727	1,773	19,500
255	Sổ lò xo A4	quyển	26,818	2,682	29,500
256	Sổ card 96	quyển	13,636	1,364	15,000
257	Sổ card 120	cuốn	19,545	1,955	21,500
258	Sổ card 160	cuốn	21,364	2,136	23,500
259	Sổ card 180	cuốn	24,091	2,409	26,500
260	Sổ card 240	cuốn	29,545	2,955	32,500
261	Sổ card 320	cuốn	36,818	3,682	40,500
262	Sổ card 360	cuốn	43,182	4,318	47,500
263	Sổ card 500	cuốn	62,273	6,227	68,500
264	Tập TP 100 trang LH	quyển	3,182	318	3,500
265	Tập TP 200 trang LH	quyển	5,909	591	6,500
266	Tập TP 200 trang SV (lớn)	quyển	10,000	1,000	11,000
267	Tập TP 100 trang bonbon	quyển	6,364	636	7,000
268	Tập TP 200 trang THM	quyển	10,000	1,000	11,000
269	XI. SỔ KẾ TOÁN CÁC LOẠI				
270	Phiếu Thu, Chi 1L (13x19)	quyển	3,636	364	4,000
271	Phiếu Thu, Chi 2L (13x19) 100 tờ	quyển	15,000	1,500	16,500
272	Phiếu Thu, Chi 3L (13x19) 150tờ	quyển	18,636	1,864	20,500
273	Phiếu XK, NK 1L (trung)	quyển	4,545	455	5,000
274	Phiếu XK, NK 1L (lớn)	quyển	5,455	545	6,000
275	Phiếu XK, NK 2 liên (16x20) 100 tờ	quyển	15,000	1,500	16,500
276	Phiếu XK, NK 2 liên (20x25) 100 tờ	quyển	20,000	2,000	22,000
277	Phiếu XK, NK 3 liên (16x20) 150tờ	quyển	22,273	2,227	24,500
278	Phiếu XK, NK 3 liên (20x25) 150 tờ	quyển	31,364	3,136	34,500
279	Nhật ký Sổ cái	quyển	19,091	1,909	21,000
280	Giấy giới thiệu	quyển	6,364	636	7,000
281	Phiếu tạm ứng	quyển	3,182	318	3,500
282	Thẻ kho	tờ	909	91	1,000

283	Sổ Kế toán CÁC LOẠI	quyển	11,364	1,136	12,500
284	Chứng từ ghi Sổ A5	tờ	455	45	500
285	Hoá đơn bán lẻ 1L	quyển	2,727	273	3,000
286	Hóa đơn bán lẻ 2L D	quyển	10,455	1,045	11,500
287	Hóa đơn bán lẻ 3L D	quyển	15,000	1,500	16,500
288	XII. CÁC LOẠI VĂN PHÒNG PHẨM KHÁC				
289	bảng tên dẻ không dây TP	cái	1,818	182	2,000
290	bảng tên dẻ + dây TP	cái	3,636	364	4,000
291	bảng tên dẻ + kẹp sắt	cái	3,636	364	4,000
292	bảng tên ngang xanh không dây	cái	2,273	227	2,500
293	bảng tên ngang xanh + dây	cái	4,545	455	5,000
294	bảng tên ngang xanh +kẹp sắt	cái	4,545	455	5,000
295	Bao thư trắng, vàng 12*18	xấp/100	22,727	2,273	25,000
296	Bao thư trắng, vàng 12*22	xấp/100	25,455	2,545	28,000
297	Bao thư A4 xi măng quần dây	cái	2,727	273	3,000
298	Bao thư A4 trắng, vàng	cái	1,091	109	1,200
299	Bao thư A5 trắng, vàng	cái	545	55	600
300	Hộp đựng danh thiếp kim loại 400c eagle	cái	86,364	8,636	95,000
301	Hộp đựng danh thiếp kim loại 600c eagle	cái	104,545	10,455	115,000
302	Hộp đựng danh thiếp kim loại 800c eagle	hộp	122,727	12,273	135,000
303	CD -R trắng Maxell (hộp 10 cái)	cái	5,455	545	6,000
304	DVD-R Maxell (hộp 10cái)	cái	10,909	1,091	12,000
305	CD -R maxell Loại I	cái	11,364	1,136	12,500
306	DVD -R maxell Loại I	cái	20,000	2,000	22,000
307	USB 4G	cái	168,182	16,818	185,000
308	USB 8G	cái	431,818	43,182	475,000
309	Chổi quét máy vi tính	cây	36,364	3,636	40,000
310	Chuột destop	cái	77,273	7,727	85,000
311	chuột laptop	cái	145,455	14,545	160,000
312	Đinh ấn băng nhung	bịch	2,727	273	3,000
313	Sáp đếm tiền	cái	5,455	545	6,000
314	Lau bảng nhung	cái	13,182	1,318	14,500
315	Ví đựng CD 48 cái	cái	50,000	5,000	55,000
316	Ví đựng CD 96	cái	104,545	10,455	115,000
317	Mực Tampon Shiny	hộp	40,909	4,091	45,000
318	Tampon Shiny nhỏ(hộp nhựa)	cái	36,364	3,636	40,000
319	Tampon Shiny lớn	cái	40,909	4,091	45,000
320	Chặn sách nhỏ	cặp	52,727	5,273	58,000
321	Chặn sách lớn	cặp	59,091	5,909	65,000
322	cây ghim Giấy	cái	13,182	1,318	14,500
323	Bảng tên để bàn (mica) nhỏ	cái	13,182	1,318	14,500
324	Bảng chức danh (7.5x24)	cái	33,182	3,318	36,500
325	Bảng chức danh (6.5x18)	cái	29,091	2,909	32,000
326	Bảng mica trắng 40x60cm	cái	59,091	5,909	65,000
327	Bảng mica trắng 60x80cm	cái	77,273	7,727	85,000
328	Bảng mica trắng 80x120cm	cái	113,636	11,364	125,000
329	Bảng mica trắng 120x180cm	cái	345,455	34,545	380,000
330	Bảng mica trắng 120x240cm	cái	386,364	38,636	425,000
331	Bảng nỉ 60x80	cái	313,636	31,364	345,000
332	Bảng nỉ 0.8x1.2m	cái	450,000	45,000	495,000

333	XIII. máy TÍNH-Mực IN máy văn phòng				
334	máy tính casio FX-500 MS	cái	125,000	12,500	137,500
335	máy tính casio FX-570 MS	cái	165,455	16,545	182,000
336	máy tính Casio CA911	cái	113,636	11,364	125,000
337	máy tính Casio JL-210	cái	159,091	15,909	175,000
338	máy tính HL 122TV	cái	63,636	6,364	70,000
339	máy tính JS 120 L	cái	77,273	7,727	85,000
340	máy tính JS -212	cái	35,682	3,568	39,250
341	máy tính DS612II	cái	77,273	7,727	85,000
342	Máy tính Sharp CH412 (12 số`)	cái	204,545	20,455	225,000
343	Máy tính Sharp EL144A (14 số`)	cái	222,727	22,273	245,000
344	Phim Fax Panasonic KX-FA 55A	cuộn	77,273	7,727	85,000
345	Phim Fax Panasonic KX-FA 57E	cuộn	63,636	6,364	70,000
346	Phim Fax Panasonic KX-FA134/133	cuộn	181,818	18,182	200,000
347	Phim Fax Panasonic KX-FA136	cuộn	100,000	10,000	110,000
348	Phim Fax Sharp 3M F0 - 15CR	cuộn	175,455	17,545	193,000
349	Phim Fax Sharp 3M F0 - 3CR	cuộn	59,091	5,909	65,000
350	Phim Fax Sharp 3M F0-6CR	cuộn	71,818	7,182	79,000
351	XIV. NHU YẾU PHẨM				
352	Pin AA Energizer	cặp	17,727	1,773	19,500
353	Pin AAA Energizer	cặp	17,727	1,773	19,500
354	Pin Maxel	cặp	5,455	545	6,000
355	Pin AA Camelion	cặp	5,909	591	6,500
356	Pin AA Camelion	cặp	5,909	591	6,500
357	Dây thun	bịch	54,545	5,455	60,000
358	Ổ khóa thường	cái	54,545	5,455	60,000
359	Bao rác Tiểu	Kg	40,909	4,091	45,000
360	Bao rác Trung	Kg	40,909	4,091	45,000
361	Bao rác đại	Kg	40,909	4,091	45,000
362	Thùng rác đập nhỏ	cái	77,273	7,727	85,000
363	Thùng rác đập trung	cái	95,455	9,545	105,000
364	Thùng rác đập đại	cái	195,455	19,545	215,000
365	Khăn Giấy cuộn AnAn	lốc/10	31,818	3,182	35,000
366	Khăn giấy hộp	hộp	20,000	2,000	22,000
367	Nước rửa tay Lifebouye	Bình	20,000	2,000	22,000
368	Xịt phòng glade	chai	37,273	3,727	41,000
369	Nước lau sàn nhà	Chai	26,364	2,636	29,000
370	Nước tẩy bồn cầu	bình	26,364	2,636	29,000
371	Nước lau kính	chai	23,636	2,364	26,000
372	Rửa chén sunlight	bình	25,455	2,545	28,000
373	Ly nhựa nhỏ 04	lố/50	16,818	1,682	18,500
374	Ổ cắm điện 5 lỗ	cái	113,636	11,364	125,000

* **Ghi Chú**

* Bảng giá trên có thể thay đổi một số loại VPP mà không kịp thời báo trước.

*Giao hàng tận nơi trong nội thành Thành Phố

*Ngoài ra còn có các loại văn phòng phẩm - nhu yếu phẩm khác:Mực IN, máy MÓC THIẾT BỊ văn phòng... quý khách vui lòng liên hệ trực tiếp văn phòng Phẩm PTS

*UY TÍN-CHẤT LƯỢNG-NHANH CHÓNG Đảm bảo quý khách sẽ hài lòng.